

Số: 02/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 02/2024/VDS-HNGĐ ngày 03/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Phạm Thùy N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tiểu khu A thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Lê Hữu T, sinh năm 1987. Địa chỉ: 703/20 L, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Hữu T và chị Phạm Thùy N kết hôn với nhau từ năm 2020 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30/10/2020. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng là do không giải quyết được những bất đồng trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Sau khi được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng xác định không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị N và anh T xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể quay lại chung sống, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện

ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị xác định có 01 con chung là cháu Lê Hải Nh ngày 02/02/2021. Anh chị thống nhất trách nhiệm nuôi dưỡng con chung như sau: chị Phạm Thùy N nhận trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hải Nam đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Về vấn đề cấp dưỡng, anh chị tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án ghi nhận. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị N và anh T thống nhất xác nhận không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị Phạm Thùy N và anh Lê Hữu T thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 10 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hữu T và chị Phạm Thùy N.

- Về con chung: Chị Phạm Thùy N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hải Nh ngày 02/02/2021 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không đề nghị Tòa án ghi nhận về thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị N và anh T thống nhất xác nhận không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thùy N chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001373 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục

thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Lê Hữu T chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân